

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2022/HS-ST

Ngày: 04 /3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Ngô Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Đỗ Văn Ngôn

Ông Nguyễn Đức Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Vi Đức Thứ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2022/TLST-HS ngày 28/01/2022 theo Quyết định đưa ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HS ngày 16/02/2022 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 03/TB-TA ngày 25/02/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Trí C**, sinh năm 2000 tại xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Vũ Trí C1 và con bà Hoàng Thị V; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Bị hại: Anh Chu Văn T, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ dân phố M1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Anh Đặng Thái S, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ dân phố M1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

3. Anh Đặng Anh T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn Q, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Kim S, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

5. Ông Vũ Trí C1, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- **Người làm chứng:** Anh Nông Văn M, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Trí C, sinh năm 2000, trú tại: thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang và anh Chu Văn T, sinh năm 2002, trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang là bạn bè quen biết xã hội với nhau. Anh T làm công nhân tại khu công nghiệp V, huyện V nên có thuê phòng trọ tại gia đình ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 ở thôn H1, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang để sinh hoạt, còn C không có việc làm ổn định. Ngày 15/11/2021, C bảo anh T cho C đến phòng trọ chơi và ở nhờ mấy hôm thì anh T đồng ý. Khoảng 13 giờ ngày 16/11/2021, C ngủ dậy thì thấy anh T vẫn đang ngủ. Do không có tiền chi tiêu nên C nảy sinh ý định trộm cắp tiền của anh T. C lục tìm trên đỉnh gác xép nhà vệ sinh thì thấy có 01 chiếc ví da màu nâu của anh T. C thò tay lấy chiếc ví rồi mở ra kiểm tra thì thấy bên trong có số tiền 6.700.000 đồng nên đã lấy toàn bộ số tiền này. Sau đó, C tiếp tục tiến đến chiếc ba lô của anh T treo ở móc quần áo rồi lục tìm bên trong thì thấy có một chiếc ví da màu đen. C lấy chiếc ví rồi kiểm tra thì thấy bên trong có khoảng hơn 01 triệu đồng. C lấy trộm số tiền 700.000 đồng, số tiền còn lại C để lại trong ví rồi cất trong ba lô. Toàn bộ số tiền trộm cắp được, C sử dụng để tiêu sài cá nhân hết.

Đến khoảng 12 giờ ngày 18/11/2021, sau khi tiêu sài hết số tiền lấy trộm được của anh T, C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô, điện thoại của anh T mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Để thực hiện ý định, C nói dối anh T cho mượn xe mô tô và điện thoại để đi chơi. Do tin tưởng nên anh T cho C mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner X, biển kiểm soát 98F1- 334.20 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9T, có ốp lưng bằng nhựa, bên trong có gắn sim điện thoại. Khi mượn được xe mô tô và điện thoại, C lục tìm trong ba lô của anh T để lấy trộm giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98F1- 334.20 nhằm mục đích tránh bị phát hiện khi tiêu thụ xe. Sau đó, C mang chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98F1- 334.20 đến cửa hàng “cầm đồ 91” của anh Nguyễn Văn N- sinh năm 1991

ở tổ dân phố M1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang để cầm cố lấy tiền. Tại đây, C đặt vấn đề với anh N cầm cố chiếc xe mô tô 98F1- 334.20 với số tiền 20.000.000 đồng nhưng anh N không đồng ý, mà chỉ đồng ý mua lại chiếc xe này với giá 20.000.000 đồng, C đồng ý bán. Quá trình thỏa thuận, anh N hỏi C về nguồn gốc xe thì C nói dối anh N là chiếc xe này mua lại của bạn và đưa giấy đăng ký xe cho anh N xem. Thấy chiếc xe có giấy đăng ký nên anh N đồng ý mua với giá 20.000.000 đồng và viết giấy mua bán rồi trả C số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi bán xe, C tiếp tục đến cửa hàng điện thoại “TH” ở tổ dân phố M1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang của anh Đặng Anh T, sinh năm 1993, trú tại: thôn Q, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ để cầm cố chiếc điện thoại Redmi 9T đã chiếm đoạt được của anh T. Tại đây, C đã cầm cố chiếc điện thoại này cho anh Đặng Thái S- sinh năm 1991, trú tại: tổ dân phố M1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (là nhân viên của cửa hàng) được số tiền 1.200.000 đồng. Khi cầm cố thì C nói đây là điện thoại của C. Toàn bộ số tiền cầm cố xe mô tô và điện thoại của anh T, C đã tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi cho C mượn xe mô tô và điện thoại di động nhưng không thấy C quay lại trả, anh T đã liên lạc với C để đòi lại tài sản. Lúc này, C thừa nhận việc mang xe mô tô và điện thoại của anh T đi cầm cố. Anh T không đồng ý, yêu cầu C mang xe và điện thoại trả lại cho anh. Tuy nhiên, C mới chỉ trả lại cho anh T chiếc sim điện thoại, còn các tài sản khác không trả lại được. Đến ngày 20/11/2021, do nghi ngờ C là người trộm cắp tiền của mình trước đó nên anh T đã trình báo sự việc bị mất trộm tiền và việc bị C chiếm đoạt chiếc xe mô tô cùng chiếc điện thoại di động đến Công an xã H, huyện V đề nghị giải quyết. Xét thấy vụ việc có dấu hiệu hình sự nên Công an xã H đã chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên để điều tra theo thẩm quyền. Ngày 21/11/2021, Vũ Trí C ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Ngày 24/11/2021, sau khi biết chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9T cầm cố cho Vũ Trí C là tài sản do phạm tội mà có, anh Đặng Thái S đã giao nộp cho Cơ quan điều tra để phục vụ điều tra. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98F1- 334.20, sau khi mua của bị cáo C, anh Nguyễn Văn N đã bán lại cho anh Nguyễn Kim S, sinh năm 1997, trú tại: Thôn N, xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang với số tiền 20.500.000 đồng. Sau đó, do gia đình C muốn mua lại chiếc xe này trả lại cho anh T để khắc phục hậu quả nên anh S đã bán lại cho ông Vũ Trí C1 là bố đẻ C với giá 24.000.000 đồng. Ngày 06/01/2022, ông C1 đã giao nộp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98F1- 334.20 cùng giấy đăng ký xe cho Cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 161 ngày 24/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner X, biển kiểm soát 98F1-334.20 có trị giá 30.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9T màu đen đỏ có trị giá 1.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 202 ngày 20/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên kết luận: 01 ốp điện thoại bằng nhựa màu nâu đã qua sử dụng có trị giá 20.000 đồng; 01 phôi sim điện thoại có trị giá 19.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã cho anh Nguyễn Văn N, anh Đặng Thái S và bị cáo Vũ Trí C nhận dạng. Kết quả: bị cáo C nhận ra anh N và anh S là người đã mua chiếc xe mô tô và cầm cố chiếc điện thoại mà C chiếm đoạt của anh T; anh N và anh S nhận ra C là người đã đến bán chiếc xe mô tô và cầm cố chiếc điện thoại cho mình vào ngày 18/11/2021.

Ngày 16/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên đã tiến hành trích xuất và cho dẫn giải bị cáo Vũ Trí C đi xác định vị trí nơi đã lấy trộm tiền của anh T. Bị cáo đã chỉ rõ vị trí lấy trộm tiền của anh T tại gác xép đình nhà vệ sinh và trong ba lô treo ở móc áo như đã khai báo, phù hợp với lời khai của anh T.

Khi anh Nguyễn Văn N là người mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98F1-334.20 và anh Đặng Thái S là người nhận cầm cố chiếc điện thoại di động Redmi 9T cho bị cáo C thì anh N và anh S không biết đây là tài sản do C chiếm đoạt của anh T nên không vi phạm pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Vũ Trí C về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Trí C đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án.

Ông Vũ Trí C không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại tiền do ông bỏ ra để bồi hoàn cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Kiểm sát viên thực hành công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173, Khoản 1 Điều 174, các điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Vũ Trí C từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 18 tháng tù đến 20 tháng tù về tội “Lừa

đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Vũ Trí C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 26 tháng tù đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 21/11/2021).

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Không đề nghị xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng.

Ngoài ra còn đề nghị giải quyết về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ thu thập được nên có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 16/11/2021 và ngày 18/11/2021, tại khu nhà trọ của gia đình ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 ở thôn H1, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Vũ Trí C đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Chu Văn T, sinh năm 2002, trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Cụ thể: Ngày 16/11/2021, C đã có hành vi trộm cắp số tiền 7.400.000 đồng của anh T. Đến ngày 18/11/2021, C tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner X, biển kiểm soát 98F1-334.20 trị giá 30.000.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9T trị giá 1.500.000 đồng, 01 ốp điện thoại bằng nhựa trị giá 20.000 đồng và 01 chiếc phôi sim điện thoại trị giá 19.000 đồng. Tổng giá trị tài sản C lừa đảo chiếm đoạt của anh T là 31.539.000 đồng.

[3] Bị cáo Vũ Trí C có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác. Giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 7.400.000 đồng và giá trị tài sản các bị cáo lừa đảo chiếm đoạt là 31.539.000 đồng. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Trí C có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, vi phạm vào Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, vi phạm vào Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo Vũ Trí C có nhân thân tốt vì ngoài lần phạm tội này, bị cáo đều chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính lần nào.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Trí C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Vũ Trí C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú, tự nguyện tác động đến gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả, được bị hại là anh Chu Văn T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Đầu thú” và bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, căn cứ vào các tình tiết của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, yêu cầu đấu tranh tội phạm xâm hại quyền sở hữu tại địa phương, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo gây ra, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm xâm hại quyền sở hữu nói riêng.

Bị cáo phạm hai tội nên cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Viện kiểm sát để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Vũ Trí C đã tác động đến ông Vũ Trí C1 là bố đẻ trả cho anh Chu Văn T số tiền 7.400.000 đồng tiền trộm cắp; trả cho anh Đặng Anh T số tiền 1.200.000 đồng tiền cầm cố điện thoại. Anh Chu Văn T và anh Đặng Anh T đã nhận được tiền và tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì; Ông Vũ Trí C1 không yêu cầu bị cáo hoàn lại tiền nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Khoản 1 Điều 174, các điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Vũ Trí C 08 (Tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Vũ Trí C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 21/11/2021).

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Bị cáo Vũ Trí C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Công an, Cơ quan CSĐT huyện Việt Yên;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Bị cáo; Dương sự vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ngô Quang Dũng

